

NGHỊ ĐỊNH số 20-CP ngày 8-2-1965 ban hành điều lệ khen thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến nghiệp vụ công tác.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Đề khuyến khích mọi người lao động tích cực phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến nghiệp vụ công tác, đẩy mạnh công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế quốc dân;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong Hội nghị thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 26 tháng 12 năm 1963,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành, kèm theo nghị định này, điều lệ khen thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến nghiệp vụ công tác.

Điều 2. — Các ông Bộ trưởng, các ông thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ và cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, các ông Chủ tịch Ủy ban hành chính các khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 8 tháng 2 năm 1965.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

ĐIỀU LỆ

khen thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến nghiệp vụ công tác

(Ban hành kèm theo nghị định số 20 - CP ngày 8-2-1965 của Hội đồng Chính phủ.)

Chương I

NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1. — Hội đồng Chính phủ ban hành điều lệ này nhằm khuyến khích mọi người lao động tích cực phát huy sáng kiến cải tiến kỹ

thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến nghiệp vụ công tác, đẩy mạnh công cuộc phát triển kinh tế quốc dân.

Điều 2. — Tất cả những biện pháp cải tiến trên cơ sở kỹ thuật, nghiệp vụ và tổ chức hiện tại, sau khi áp dụng vào thực tế, đem lại lợi ích cho sản xuất, công tác và sự phát triển khoa học, kỹ thuật đều gọi là sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến nghiệp vụ công tác và được khen thưởng theo điều lệ này.

Điều 3. — Việc xác định sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến nghiệp vụ công tác để xét khen thưởng quy định như sau :

A. Cải tiến kỹ thuật là :

a) Những cải tiến kết cấu máy móc, thiết bị, công cụ thô sơ, dụng cụ ; cải tiến phương án thiết kế sản phẩm công nghiệp, công trình kiến trúc ; cải tiến và phát triển giống sinh vật.

b) Những cải tiến phương pháp công nghệ, phương pháp thí nghiệm, kỹ thuật trồng trọt, kỹ thuật nuôi dưỡng sinh vật, kỹ thuật bảo quản kho tàng, vật liệu ; kỹ thuật vận tải, bốc dỡ, kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động, kỹ thuật chữa bệnh và phòng bệnh.

Những biện pháp kỹ thuật mới để sử dụng tốt hơn nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, máy móc, thiết bị hoặc nhằm phục hồi giá trị sử dụng các loại trên đã bị hư và xấu ; những biện pháp kỹ thuật sản xuất ra nguyên liệu, vật liệu, máy móc, thiết bị thay thế cho những loại hiếm, quý hoặc phải mua ở nước ngoài cũng coi là sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

B. Hợp lý hóa sản xuất hoặc cải tiến nghiệp vụ công tác là :

a) Những cải tiến tổ chức sản xuất như cải tiến tổ chức thiết kế và chế thử sản phẩm, cải tiến tổ chức lao động và cung cấp vật tư kỹ thuật ; những cải tiến tổ chức nơi làm việc và bố trí máy móc, thiết bị, dụng cụ ; những cải tiến trình tự và phương pháp thao tác...

b) Những cải tiến quản lý kinh tế ; những cải tiến lưu thông, phân phối, cân đo, giao nhận, khai thác nguồn hàng ; những cải tiến nghiệp vụ công tác.

Những cải tiến đem lại kết quả là tận dụng được công suất máy móc và thiết bị, tận dụng được nguyên liệu, nhiên liệu và vật liệu ; phục

hồi máy móc và thiết bị cũ cũng coi là sáng kiến hợp lý hóa sản xuất, nếu quá trình cải tiến không phải là sự đổi mới về kỹ thuật sản xuất, không làm thay đổi kết cấu máy móc, thiết bị...

Điều 4. — Thủ trưởng các ngành, các cấp phải phối hợp chặt chẽ với các tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên lao động để tích cực động viên cán bộ, công nhân, viên chức ra sức phát huy sáng kiến và tổ chức sự phối hợp chặt chẽ giữa cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ với công nhân viên chức để làm tốt việc xác minh phổ biến và áp dụng các sáng kiến.

Điều 5. — Tất cả những kiến nghị cải tiến kỹ thuật và hợp lý hóa sản xuất, cải tiến nghiệp vụ công tác trước khi áp dụng đều cần được đăng ký và có sự thăm tra xác minh của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Nhà nước.

Điều 6. — Đối với các kiến nghị đã được xác minh là có giá trị thực tiễn, thì thủ trưởng đơn vị (xí nghiệp, công trường,...) có trách nhiệm đưa các kiến nghị đó vào kế hoạch thí nghiệm hoặc áp dụng thử.

Điều 7. — Những người có sáng kiến có nhiệm vụ tham gia tích cực vào việc thí nghiệm, áp dụng và phổ biến sáng kiến của mình theo kế hoạch chung của đơn vị.

Chương II

KHEN THƯỞNG

Điều 8. — Những người hoặc tập thể có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến nghiệp vụ công tác (kể cả người nước ngoài làm ăn sinh sống trên đất nước Việt-nam) được áp dụng vào sản xuất hoặc công tác đều được khen thưởng theo điều lệ này.

Điều 9. — Người có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến nghiệp vụ công tác được khen thưởng một lần về mỗi sáng kiến của họ.

Mức khen thưởng quy định như sau :

a) *Mức thưởng :*

Bậc	Tiền làm lợi thực tế trong sáu tháng tính trong đơn vị áp dụng đầu tiên	MỨC THƯỞNG	
		Cải tiến kỹ thuật	Hợp lý hóa sản xuất, cải tiến nghiệp vụ công tác
1	50đ — 100đ	10đ — 25đ	5đ — 15đ
2	101đ — 300đ	25đ — 70đ	15đ — 50đ
3	301đ — 1.000đ	70đ — 200đ	50đ — 100đ
4	1.001đ — 100.00đ	200đ — 600đ	100đ — 300đ
5	10.001đ — 100.000đ	600đ — 1.200đ	300đ — 600đ
6	100.001đ trở lên	1.200đ — 2.000đ	600đ — 1.200đ

Khi tính toán mức thưởng, ngoài việc xét giá trị làm lợi thực tế trong sáu tháng, còn phải xét đến giá trị khoa học và kỹ thuật, đến tác dụng phổ biến rộng hay hẹp và giải quyết khó khăn nhiều hay ít của sáng kiến đó, đến điều kiện và trình độ của người có sáng kiến để quyết định tiền thưởng cho thích hợp.

b) *Mức khen :*

— Đối với những sáng kiến mà tiền thưởng từ 200đ trở xuống thì thủ trưởng đơn vị (xí nghiệp, cơ quan) biểu dương hoặc cấp giấy khen ;

— Đối với những sáng kiến mà tiền thưởng trên 200đ thì Bộ trưởng; thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ hoặc Ủy ban hành chính tỉnh; thành, khu cấp giấy khen hoặc bằng khen.

Điều 10. — Đối với mức khen thưởng những sáng kiến cải tiến kỹ thuật sản xuất có giá trị lớn về khoa học, kỹ thuật nhưng tiền làm lợi tính trong đơn vị áp dụng đầu tiên quá ít mà cần nâng cấp bậc khen thưởng và đối với mức khen thưởng những cải tiến kỹ thuật sản xuất có ít giá trị về khoa học, kỹ thuật nhưng tiền làm lợi tính trong đơn vị áp dụng đầu tiên quá lớn nên cần hạ thấp bậc khen thưởng, thì phải đề nghị lên cơ quan trên một cấp quyết định.

Điều 11. — Đối với những cải tiến kỹ thuật chữa bệnh và phòng bệnh, cải tiến kỹ thuật an toàn sản xuất và an toàn lao động, những cải tiến làm lợi cho nền kinh tế quốc dân hoặc cải thiện đời sống nhân dân, v.v... mà giá trị làm lợi bằng tiền khó tính toán, thì căn cứ vào tác dụng về nhiều mặt và trình độ khoa học, kỹ thuật của sáng kiến đó mà quyết định khen thưởng.

Điều 12. — Đối với những sáng kiến có giá trị lớn cả về khoa học, kỹ thuật và kinh tế cần được đặc biệt khuyến khích, thì mức khen thưởng không phụ thuộc vào điều 9 trên đây mà do các ngành chủ quản ở trung ương hoặc Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban Khoa học Nhà nước cùng đề nghị lên Hội đồng Chính phủ quyết định.

Điều 13. — Những kỹ thuật tiên tiến đã được thực hiện ở nước ngoài hay ở xí nghiệp khác trong nước, nhưng chưa được in thành tài liệu phổ biến hoặc chưa được cơ quan chủ quản phổ biến mà nay có người nghiên cứu thành công thì sau khi áp dụng có kết quả cũng được xét thưởng theo quy định ở điều 9 trên đây.

Điều 14. — Những người áp dụng thành công những kỹ thuật tiên tiến của nước ngoài và của trong nước đã được phổ biến cũng được xét thưởng. Mức thưởng cho những người này cao nhất không quá 50% so với mức thưởng sáng kiến có cùng giá trị tiết kiệm theo quy định ở điều 9.

Điều 15. — Những thành công có giá trị về khoa học kỹ thuật của những người được giao nhiệm vụ nghiên cứu như một công tác chuyên môn hàng ngày theo chương trình cải tiến kỹ thuật của xí nghiệp hoặc cơ quan cũng được xét thưởng. Mức thưởng cao hay thấp tùy theo giá trị khoa học, kỹ thuật của công trình nghiên cứu đó, nhưng cao nhất không quá 1.000 đồng.

Điều 16. — Những sáng kiến hợp lý hóa sản xuất của cán bộ quản lý kỹ thuật hoặc nghiệp vụ từ phó phân xưởng trưởng, phó phòng nghiệp vụ hoặc kỹ thuật và những cán bộ quản lý khác có mức lương tương đương trở lên cũng được xét thưởng, nếu sáng kiến ấy có giá trị phổ biến rộng rãi hoặc có tính chất sáng tạo. Việc khen thưởng này phải được thủ trưởng ngành chủ quản ở trung ương hoặc Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xét và quyết định.

Điều 17. — Quyền hạn thẩm tra và quyết định tiền thưởng quy định như sau :

a) Giám đốc xí nghiệp, cơ quan có quyền quyết định số tiền thưởng từ bậc 1 tới mức cao nhất là bậc 3, theo sự phân cấp của ngành chủ quản hoặc các Ủy ban hành chính địa phương.

b) Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có quyền quyết định số tiền thưởng từ bậc 2 tới bậc 4, thủ trưởng các ngành ở trung ương có quyền quyết định số tiền thưởng từ bậc 3 tới bậc 5.

c) Ủy ban Khoa học Nhà nước có quyền quyết định số tiền thưởng từ bậc 5 tới bậc 6 đối với các sáng kiến của các xí nghiệp thuộc Ủy ban

hành chính địa phương quản lý và quyết định số tiền thưởng bậc 6 đối với các sáng kiến của các xí nghiệp thuộc các ngành ở trung ương quản lý.

Điều 18. — Tiền thưởng sáng kiến do đơn vị thu lợi phát. Thê lệ lập dự trù và thanh toán tiền thưởng do Bộ Tài chính quy định.

Chương III

CÁCH TÍNH VÀ PHÁT TIỀN THƯỞNG

Điều 19. — Giá trị làm lợi của sáng kiến là mức chênh lệch tính bằng tiền giữa kết quả áp dụng sáng kiến với định mức kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền đã quy định.

Sau khi xí nghiệp đã phổ biến sáng kiến và đã chuẩn bị đủ điều kiện cho quần chúng áp dụng sáng kiến, thì xí nghiệp phải điều chỉnh lại định mức kinh tế, kỹ thuật cho hợp lý.

Điều 20. — Đối với những sáng kiến có tác dụng tiết kiệm ở bộ phận này nhưng khi thực hiện lại tăng những khoản chi phí ở bộ phận khác hoặc tiết kiệm được mặt này nhưng lại phải chi phí thêm mặt khác, thì phải khấu trừ những chi phí đó trước khi tính giá trị làm lợi thực tế để thưởng. Những chi phí về thí nghiệm không khấu trừ vào giá trị làm lợi của sáng kiến.

Điều 21. — Đối với những cải tiến thiết kế làm giảm bớt phí tổn của công trình kiến trúc thì tiền làm lợi để tính thưởng theo quy định ở điều 9 trên đây tối đa không quá 20% tổng số tiền tiết kiệm được so với kế hoạch.

Điều 22. — Tiền thưởng sáng kiến của tập thể được thanh toán như sau :

a) Đối với những sáng kiến của hai hoặc nhiều người, thì tiền thưởng sẽ phát chung ; những người này sẽ thỏa thuận với nhau trong việc sử dụng số tiền thưởng đó ;

b) Đối với sáng kiến của một người đề xuất chưa đầy đủ, sau có người khác bổ sung, hoàn thiện, áp dụng có kết quả, thì tiền thưởng sẽ phát chung ; những người này sẽ thỏa thuận với nhau việc sử dụng số tiền thưởng đó.

Điều 23. — Những người được cử đến giúp đỡ người khác giải quyết một số khó khăn về kỹ thuật để mau chóng áp dụng sáng kiến vào sản xuất, thì sau khi áp dụng có kết quả, cũng được xét thưởng.

Số tiền thưởng những người đến giúp đỡ này nhiều nhất không quá 25% số tiền thưởng người có sáng kiến và không lấy trong số tiền thưởng của người có sáng kiến mà lấy trong số tiền làm lợi được do sáng kiến đem lại.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. — Các ông thủ trưởng các Bộ, các cơ quan ngang Bộ và cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, các Ủy ban hành chính các khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào bản điều lệ này và căn cứ vào đặc điểm của ngành, của địa phương mình mà có những quy định cụ thể và đơn đốc, kiểm tra việc chấp hành điều lệ này.

Điều 25. — Điều lệ này áp dụng trong tất cả các xí nghiệp, cơ quan của Nhà nước (kể cả xí nghiệp công tư hợp doanh). Đối với các đơn vị thuộc khu vực sở hữu tập thể, các ngành có quản lý hợp tác xã căn cứ vào bản điều lệ này mà quy định thể lệ thi hành cho thích hợp sau khi đã thống nhất ý kiến với Bộ Lao động, Bộ Tài chính và Ban Thi đua trung ương.

Điều 26. — Điều lệ này thi hành kể từ ngày ký. Các quy định về thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất trước đây đều bãi bỏ.

Điều 27. — Ban Thi đua trung ương và Bộ Lao động có trách nhiệm giải thích và hướng dẫn các ngành, các cấp thi hành điều lệ này. Ủy ban Khoa học Nhà nước có trách nhiệm tổ chức tốt việc đăng ký, xác minh, phổ biến và áp dụng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến nghiệp vụ công tác trong phạm vi cả nước. Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn việc xác minh và thưởng sáng kiến cải tiến thiết kế xây dựng cơ bản.

Hà-nội, ngày 8 tháng 2 năm 1965

K.T Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

**CHỈ THỊ số 4-TTg-NN ngày 9-1-1965
về việc đẩy mạnh công tác trồng cây
và phát động Tết trồng cây 1965.**

Hiện nay nhu cầu về gỗ, nứa, củi và các loại lâm sản khác phục vụ cho yêu cầu của Nhà nước và nhân dân ngày càng đòi hỏi rất lớn và cấp bách. Nhưng ngược lại rừng núi thiên nhiên của ta ngày càng bị tàn phá rất nhiều, nếu cứ khai thác mãi mà không chú ý đến trồng thì không bao lâu rừng sẽ kiệt. Vì vậy,

cần phải đẩy mạnh phong trào trồng cây gây rừng trong nhân dân để giải quyết vật liệu cho xây dựng, nguyên liệu cho nhiều ngành công nghiệp và thủ công nghiệp, củi đun hàng ngày của nhân dân. Trồng cây gây rừng cũng là một biện pháp bảo vệ mùa màng, chống gió, chống bão, chắn sóng, chắn cát bay, chống xói mòn và tạo thêm nguồn phân xanh rất lớn ở nông thôn, ngoài ra còn để thu hoạch các loại hoa quả, cây làm thuốc và các lâm sản khác, rất cần thiết cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu, góp phần làm tăng thêm thu nhập của xã viên hợp tác xã.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, từ trước đến nay toàn dân ta đã nhiệt liệt tham gia Tết trồng cây. Phong trào trồng cây gây rừng ngày càng phát triển mạnh mẽ trong các hợp tác xã nông nghiệp, các cơ quan, trường học, đơn vị quân đội...

Theo thống kê của Tổng cục Lâm nghiệp từ 1960 đến nay toàn miền Bắc đã trồng được 375.000.000 cây các loại, với hơn 200.000.000 cây nước mặn bảo vệ đê biển. Do sự quan tâm chỉ đạo chặt chẽ của các cấp đảng và chính quyền các địa phương, số hợp tác xã trồng cây ngày càng phát triển, đến nay đã có 8.000 hợp tác xã nông nghiệp đặt công tác trồng cây gây rừng thành nội dung kinh doanh trong hợp tác xã, thu hút được mọi năng lực tiềm tàng về sức lao động trong nông nghiệp, kể cả cụ già trẻ em, như ở Vinh-phúc số hợp tác xã này chiếm tỷ lệ 87%.

Hiện nay ở đồng bằng có phong trào thi đua đua kịp và vượt hợp tác xã Lạc-trung và ở nhiều địa phương có những điển hình tốt về trồng cây như điển hình làm xanh đồi trọc (Vinh-quang, Phú-thọ), trồng cây phục hồi nương rẫy (hợp tác xã Nà-vó Hòa-bình); trồng cây ven biển chống cát bay (hợp tác xã Lê-hồng Phong, Hà-tĩnh); trồng cây thành những giải rừng phòng hộ như Vinh-thành, Nghi-thu (Nghệ-an), Hiệp-hòa (Thái-bình), Liên-phương, Ninh-phúc (Ninh-bình), Lý-thường-Kiệt (Hưng-yên), Bình-giang (Hải-duong) v.v...

Tuy nhiên, số cây được trồng so với diện tích rừng bị tàn phá và diện tích khai thác qua các năm còn quá ít. Trong tổng số hợp tác xã toàn miền Bắc mới có 26% hợp tác xã có kế hoạch trồng cây. Nhiều cơ quan, trường học và địa phương chưa có kế hoạch cụ thể về trồng cây; các ngành, các cấp chưa thực sự quan tâm đúng mức đến công tác trồng cây; chưa thấy thật rõ khả năng tiềm tàng và sức mạnh to lớn của quần chúng trong phong trào trồng cây gây rừng để bảo đảm kế hoạch trồng trên 6.800.000 công mẫu đồi trọc (năm 1960 chỉ có 5.000.000 công mẫu).